

Số: 1487/QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 25 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ ;

Căn cứ Thông tư số 47/2015/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 3563/QĐ-HVN ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy định Quản lý nguồn thu và chi tiêu nội bộ của Học viện;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành **Quy định về công tác thi đua, khen thưởng** của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định về công tác thi đua, khen thưởng được ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Tổ chức cán bộ, Trưởng Ban Tài chính và kế toán, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTPT (để b/c);
- Lưu: VT, TC, LT(7).



Nguyễn Thị Lan

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-HVN ngày 08 tháng 6 năm 2016
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Nhằm động viên, khuyến khích công chức, viên chức và người lao động (sau đây gọi chung là cá nhân), đơn vị nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và phát triển Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây gọi chung là Học viện), đặc biệt là công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý, đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế, quy định của Học viện.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

a) Trên tinh thần tự nguyện, tự giác, công khai; dân chủ; đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua. Mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải đăng ký thi đua; tham gia phong trào thi đua một cách tự giác, tự nguyện, công khai, dân chủ, đoàn kết; đăng ký thi đua ở cấp nào chỉ được xét ở cấp đó.

c) Đầu năm học hàng năm, cá nhân và tập thể căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và trên cơ sở của các danh hiệu thi đua, khen thưởng tiến đăng ký (theo mẫu). Các đơn vị tổng hợp danh sách đăng ký thi đua của đơn vị và nộp cho Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện. Đơn vị nào không nộp coi như không đăng ký và Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện không xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

2. Nguyên tắc khen thưởng

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.
- c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.
- d) Kết hợp động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.
- e) Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng từ cấp Bộ trở lên cho một đối tượng, trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất hoặc theo đợt, chuyên đề.
- f) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.
- g) Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.
- h) Chưa xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng đối với cá nhân đang bị kỷ luật, đang xem xét kỷ luật, có đơn thư tố cáo, có vụ việc sai phạm bị phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra.

Điều 3. Các hình thức thi đua và tổ chức phong trào thi đua

Nội dung các hình thức thi đua và tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của bộ, ngành.

Điều 4. Đối tượng được bình xét các danh hiệu thi đua

1. Các đơn vị thuộc Học viện (từ bộ môn trở lên).
2. Tất cả cá nhân đang làm việc hoặc đang trong thời gian tập sự và có hợp đồng làm việc từ 1 năm trở lên, do Học viện trả lương hoặc đơn vị tự chi trả lương (tiền thưởng của cá nhân do đơn vị trả lương chi trả) đều được tham gia bình xét các danh hiệu thi đua. Đối với Chủ tịch Hội đồng Học viện và Công chức (Giám đốc và các Phó Giám đốc) thực hiện theo quy trình riêng.
3. Thời gian nữ CBVC nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu thi đua.
4. Cán bộ, viên chức đi đào tạo ở nước ngoài:
 - 4.1. Trường hợp dưới 01 năm, nếu đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên hoặc hoàn thành nhiệm vụ và có xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng về chấp hành tốt các quy định hiện hành thì kết hợp với thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến. Trường hợp dưới 03 tháng được bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở.
 - 4.2. Trường hợp từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên chấp hành tốt các quy định hiện hành ở nơi đào tạo, bồi dưỡng thì năm đó được xem xét, xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

Kết quả học tập, giấy xác nhận được gửi và lưu giữ tại đơn vị làm minh chứng. Khi Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng yêu cầu thì đơn vị cung cấp minh chứng

5. Đối với cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm bình xét danh hiệu thi đua, trường hợp công tác tại đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ.

6. Giảng viên giảng dạy kiêm nhiệm ở phòng, ban, trung tâm, công ty thì bình bầu danh hiệu thi đua tại nơi kiêm nhiệm. Đối với cá nhân làm việc kiêm nhiệm ở nhiều đơn vị thì được bình xét thi đua ở đơn vị có tỷ lệ thời gian làm việc nhiều nhất (theo quyết định phân công công tác).

Điều 5. Các trường hợp không được bình xét các danh hiệu thi đua

1. Cá nhân bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong năm học không được bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Cá nhân mới tuyển dụng làm việc dưới 10 tháng hoặc nghỉ việc từ 40 ngày trở lên không bình xét danh hiệu thi đua.

3. Đơn vị có cá nhân bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong năm học không được bình xét các danh hiệu thi đua.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc do Giám đốc Học viện Quyết định.

2. Danh hiệu thi đua, khen thưởng cấp cao do cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương II

TIÊU CHUẨN BÌNH XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Mục 1

DANH HIỆU THI ĐUA CƠ SỞ

Điều 7. Danh hiệu Lao động tiên tiến

Danh hiệu Lao động tiên tiến được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chung

a) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Học viện, đơn vị và của khu dân cư; có tinh thần tự lực, tự

cường khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp; tích cực tham gia các phong trào thi đua.

b) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

e) Được Học viện đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

f) Đã đăng ký danh hiệu thi đua.

2. Tiêu chuẩn riêng

a) *Đối với giảng viên:*

+ Hoàn thành định mức giảng dạy.

+ Về nghiên cứu khoa học:

- Giảng viên các môn học cơ sở và chuyên môn: hoàn thành định mức nghiên cứu khoa học, nếu không hoàn thành 100% số giờ nghiên cứu khoa học thì ít nhất phải hoàn thành 50% số giờ nghiên cứu khoa học và số giờ vượt định mức giảng dạy phải bù đủ số giờ nghiên cứu khoa học còn thiếu.

- Giảng viên các môn học cơ bản, lý luận chính trị, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: nếu không có giờ nghiên cứu khoa học thì tối thiểu phải có số giờ vượt trên 30% định mức giảng dạy được đảm nhận.

b) *Đối với cán bộ phục vụ và quản lý giáo dục*

+ Đảm bảo đủ số giờ công, ngày công.

+ Có ý thức trong việc cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng suất lao động; gương mẫu thực hiện đúng quy trình giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, đảm nhận.

Điều 8. Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở

Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này. Tỷ lệ danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến của đơn vị, trong đó lãnh đạo (những người được hưởng phụ cấp trách nhiệm) chiếm không quá 50 %.

1. Tiêu chuẩn chung

a) Đạt danh hiệu Lao động tiên tiến

b) Được Học viện đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

c) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Học viện công nhận;

2. Tiêu chuẩn riêng

a) Đối với giảng viên

+ Hoàn thành vượt định mức giảng dạy được đảm nhận, có số tiết đứng lớp trên 1/2 số tiết theo định mức đảm nhận.

+ Về nghiên cứu khoa học:

- Đối với giảng viên các môn học cơ sở và chuyên môn:

Hoàn thành 150% số giờ nghiên cứu khoa học so với định mức đảm nhận.

+ Sáng kiến: Đáp ứng Mục c, khoản 1, Điều 8 Quy định này

Hoặc có các đề tài, khoa học tương đương sáng kiến: Chủ trì đề tài cấp Học viện hoặc tham gia đề tài cấp Bộ, thư ký đề tài cấp Nhà nước và tương đương trở lên đã hoàn thành đúng tiến độ hoặc đã được nghiệm thu đạt loại khá trở lên hoặc có bài báo khoa học đã đăng trên các tạp chí trong hoặc ngoài nước hoặc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học có báo cáo được nghiệm thu đạt loại khá trở lên, hoặc có giáo trình, bài giảng, tài liệu, biên dịch đã được xuất bản, in trong năm học phù hợp với tiến độ đăng ký hoặc có tiến bộ kỹ thuật, bằng phát minh sáng chế được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- Giảng viên các môn học cơ bản, lý luận chính trị, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: hoàn thành ít nhất 10% định mức giờ nghiên cứu khoa học và có số giờ vượt trên 50% định mức giảng dạy được đảm nhận.

b) Đối với cán bộ phục vụ và quản lý giáo dục

Sáng kiến: Những cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, vật tư kỹ thuật, được tập thể và đơn vị công nhận hoặc chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ. Bản thuyết minh sáng kiến được Trưởng đơn vị xác nhận và có minh chứng.

Đối với cán bộ quản lý cấp trường hoặc cấp phó đơn vị trực thuộc Học viện: ngoài đạt tiêu chuẩn như trên, đơn vị do cán bộ đó quản lý phải đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

Điều 9. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến

Tập thể Lao động tiên tiến là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ thuộc Học viện (từ bộ môn trở lên), đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu, đi đầu trong chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chấp hành đầy đủ các quy định của Học viện; thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao: đối với bộ môn, khoa hoàn thành chương trình chi tiết cho tất cả các ngành học, các hệ đào tạo, đưa nghiên cứu khoa học và đào tạo vào thực tiễn, biên soạn giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo phục vụ tốt giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin

vào dạy và học; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng Học viện xanh - sạch - đẹp. Không có biểu hiện tiêu cực gian dối trong kiểm tra, cho điểm đánh giá, thi tốt nghiệp, khoá luận và các tệ nạn xã hội trong Học viện.

3. Có 100 % cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có trên 80% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, không có cá nhân bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

4. Được công nhận là đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

Điều 10. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc

Tập thể Lao động xuất sắc là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến trực thuộc Học viện (khoa, ban và tương đương), đạt các tiêu chuẩn như sau:

1. Tập thể có nhiều sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt quy định của Nhà nước và Học viện.

2. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của Học viện.

3. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả (hoặc có nhiều người tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao của Học viện).

4. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao và 90% đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

5. Được công nhận là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

6. Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.

Mục 2

THI ĐUA, KHEN THƯỞNG BẠC CAO

Điều 11. Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ

Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ được xét tặng cho cá nhân đạt 2 tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở tính đến thời điểm xét;

2. Có sáng kiến kinh nghiệm, hoặc giải pháp công tác mang lại hiệu quả và có tác dụng ảnh hưởng tích cực đối với hoạt động của ngành được Hội đồng sáng kiến cấp Bộ công nhận, hoặc chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ trở lên đã được Hội đồng sáng kiến cấp Bộ đánh giá nghiệm thu đạt loại khá trở lên và triển

khai áp dụng có hiệu quả hoặc tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có tính chất chỉ đạo trong toàn ngành hoặc tham gia biên soạn chương trình, giáo trình bài giảng được nghiệm thu ứng dụng trong toàn ngành.

Đề tài, dự án khoa học công nghệ đạt giải thưởng Vifotec, khoa học sáng tạo; các tiến bộ khoa học kỹ thuật cấp Bộ đã được quyết định công nhận được tính tương đương sáng kiến cấp Bộ.

Điều 12. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân 2 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. Có Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được phong tặng sau năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương lần thứ hai.

Điều 13. Danh hiệu Cờ thi đua

Đối với Học viện và các tập thể trực thuộc Học viện do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện xem xét đề nghị theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 14. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong trong các phong trào thi đua.
- b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực công tác (thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương).
- c) 02 năm liên tục được Học viện đánh giá hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ được giao, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi Học viện. Ưu tiên các cá nhân có đề tài nghiên cứu khoa học nghiệm thu đạt loại khá trở lên, hoặc có bài báo đăng ở tạp chí quốc tế hoặc chủ trì viết giáo trình được xuất bản và đưa vào sử dụng hoặc tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật được các cấp phê duyệt, ban hành.

d) Số lượng cá nhân đề nghị Bộ trưởng tặng Bằng khen không vượt quá 3% số lượng cá nhân được đánh giá hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ trong

toàn Học viện. Ưu tiên cá nhân hai năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

2. Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực công tác (thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương);
- c) 02 năm liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.
- d) Số lượng tập thể đề nghị Bộ trưởng tặng Bằng khen không vượt quá 20% số tập thể hiện có của Học viện).

3. Đối với tập thể, cá nhân trong năm được tặng thưởng hình thức khen thưởng thường xuyên cấp Nhà nước hoặc cấp tỉnh, cấp bộ, ngành trung ương thì năm liền kề không trình khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng.

Điều 15. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;
- c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục được Học viện đánh giá hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ được giao, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi Học viện hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được 05 lần tặng giấy khen trở lên.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho tập thể gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Điều 16. Huân chương Lao động hạng ba

1. Huân chương Lao động hạng ba để tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có công trình khoa học, nghệ thuật, có sáng kiến được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp bộ, cấp tỉnh đánh giá xuất sắc, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao, thiết thực;

b) Đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. Huân chương Lao động hạng ba để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và 02 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Điều 17. Huân chương Lao động hạng nhì

1. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao trong bộ, ngành, địa phương hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc, tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong thời gian đó có 03 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Điều 18. Huân chương Lao động hạng nhất

1. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhì, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc, trong thời gian đó có 04 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Điều 19. Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục

Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục được xét tặng cho cá nhân có thời gian công tác trong ngành giáo dục và đào tạo từ 20 năm trở lên chưa được tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục; các đơn vị tổng hợp danh sách và báo cáo thành tích của cá nhân đủ tiêu chuẩn gửi về Học viện, trừ các trường hợp đang bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

2.. Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xét tặng cho cá nhân trong Học viện có đủ thời gian công tác tại Học viện liên tục 25 năm (đối với nam) và 20 năm (đối với nữ), chưa được xét Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các đơn vị tổng hợp danh sách và báo cáo thành tích của cá nhân đủ tiêu chuẩn gửi về Học viện, trừ các trường hợp đang bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

Điều 20. Các hình thức khen thưởng khác

Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện dựa trên cơ sở thành tích và các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng để xem xét hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương III

QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 21. Tập thể, cá nhân có đăng ký thi đua, đạt thành tích và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đều được xét danh hiệu thi đua và khen thưởng. Việc bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng khi kết thúc năm học được tiến hành theo trình tự sau: Bình xét danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; bình xét cá nhân trước, tập thể sau; bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thứ tự từ thấp đến cao (danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc đối với cá nhân; Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua cấp Bộ, Cờ thi đua của Chính phủ với tập thể, hình thức khen thưởng Giấy khen, Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương).

Trong khi bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp thực hiện theo quy chế của Hội đồng cùng cấp, công nhận danh hiệu thi đua hình thức khen thưởng hoặc xét trình công nhận danh hiệu thi đua hình thức khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân có từ 2/3 tổng số phiếu đồng ý

trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng được tham gia ý kiến. (Riêng đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp phải đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 90% trở lên).

Điều 22. Trưởng đơn vị và công đoàn bộ phận xét và đề nghị các danh hiệu thi đua của các cá nhân, tập thể thuộc đơn vị mình, đồng thời chịu trách nhiệm giải quyết những khiếu nại (nếu có) của cá nhân trong đơn vị về kết quả xét duyệt thi đua trước khi trình lên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện.

Điều 23. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các đơn vị (khoa, phòng, ban, trung tâm,...) xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng của đơn vị (cả thi đua, khen thưởng bậc cao) và lập tờ trình gửi lên Hội đồng Thi đua Khen thưởng Học viện trước ngày 20/6 hàng năm theo quy định.

Thường trực Hội đồng, Thi đua Khen thưởng Học viện tiếp nhận, kiểm tra, rà soát và hướng dẫn các đơn vị hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua Học viện. Đồng thời chuẩn bị các hồ sơ, văn bản thi đua cần thiết để trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện xét duyệt.

Điều 24. Đối với trường hợp thi đua, khen thưởng bậc cao. Các cá nhân, đơn vị phải nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 25 của Quy định này về Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Học viện. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện xem xét, phê duyệt, thông báo và hoàn thiện báo cáo trình Giám đốc, làm các thủ tục cần thiết trình Bộ trước ngày 30/7 hàng năm.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị khen thưởng (theo mẫu)

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Học viện (01 bộ), gồm có:

Tờ trình của đơn vị, Biên bản họp Hội đồng, biên bản kiểm phiếu và danh sách đề nghị danh hiệu tập thể: danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, tập thể Lao động tiên tiến; danh hiệu cá nhân: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở (kèm theo minh chứng sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu).

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Bộ, gồm có:

- Tờ trình của đơn vị, biên bản họp hội đồng, biên bản phiếu bầu và danh sách cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng danh hiệu: Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng (tập thể, cá nhân) (01 bộ)

- Báo cáo thành tích của tập thể cá nhân, các minh chứng đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến (02 bộ).

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng bậc cao, gồm có:

- Tờ trình của đơn vị, biên bản họp hội đồng, biên bản phiếu bầu và danh sách cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động các hạng (01 bộ).

- Báo cáo thành tích của tập thể cá nhân (05 bộ).

4. Các hồ sơ nói trên nộp cho Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện (qua Ban Tổ chức cán bộ) đúng thời gian quy định. Quá thời gian quy định trên Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện không chịu trách nhiệm giải quyết.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 26. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện do Giám đốc Học viện quyết định, thực hiện chức năng tư vấn, giúp Giám đốc Học viện về công tác thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực hoạt động của Học viện.

2. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

a) Giúp Giám đốc tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo phong trào thi đua của Học viện nhằm phát triển phong trào mạnh mẽ, đúng hướng, có hiệu quả; phát hiện và tổ chức nhân rộng các điển hình tiên tiến qua phong trào thi đua;

b) Xét chọn những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp xét tặng các danh hiệu thi đua và khen thưởng theo thẩm quyền;

c) Xem xét trình Giám đốc Học viện giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về thi đua, khen thưởng; xem xét trình Giám đốc quyết định thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi quyết định khen thưởng đối với các trường hợp có vi phạm các quy định về Thi đua, khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện gồm các thành viên sau:

a) Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Học viện

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Công đoàn Học viện và Phó Giám đốc Học viện phụ trách công tác thi đua, khen thưởng

c) Các ủy viên:

- Các Phó Giám đốc Học viện;

- Trưởng các đơn vị: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; các khoa: Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Nông học, Khoa Môi trường, Khoa Quản lý đất đai, Khoa Cơ Điện, Khoa Lý luận chính trị và Xã hội, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Khoa Công nghệ sinh học, Khoa Thú y, Khoa Sư phạm và Ngoại ngữ, Khoa Công nghệ thực phẩm, Khoa Chăn nuôi, Khoa Thủy sản;

các ban/phòng: Ban Khoa học công nghệ, Ban Hợp tác quốc tế, Ban Thanh tra, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Quản lý đào tạo, Ban Tài chính và Kế toán, Ban Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Ban Cơ sở vật chất và Đầu tư, Văn phòng Học viện.

- Ủy viên thường trực Hội đồng: Trưởng Ban Tổ chức cán bộ

- Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng: Người được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Học viện;

d) Thường trực Hội đồng: Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên là Phó Giám đốc Học viện, Ủy viên thường trực, Ủy viên thư ký.

Thường trực giúp việc Hội đồng là Ban Tổ chức cán bộ.

Điều 27. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp đơn vị

Hội đồng Thi đua cấp khoa, ban, viện, trung tâm (gọi chung là Hội đồng Thi đua, Khen thưởng đơn vị) bao gồm: Trưởng đơn vị, các Phó đơn vị, Chủ tịch Công đoàn bộ phận, Bí thư chi bộ, các Trưởng bộ môn, Bí thư Liên chi đoàn, trợ lý tổ chức

Điều 28. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến của Học viện do Giám đốc Học viện thành lập, gồm các thành phần:

a) Chủ tịch: Giám đốc Học viện;

b) Thành viên Hội đồng: gồm những cá nhân có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Học viện. Thành viên cụ thể do Giám đốc Học viện quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng

Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, đánh giá và quyết định công nhận các đề xuất trong đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, giải pháp công tác của các cá nhân được đề nghị.

Quyết định công nhận của Hội đồng sáng kiến được đơn vị gửi trong hồ sơ đề nghị đề nghị Hội đồng Thi đua khen thưởng Học viện trình Giám đốc Học viện công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp Bộ xét, trình Bộ trưởng công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

3. Quy chế làm việc của Hội đồng do Giám đốc Học viện quyết định ban hành.

4. Hội đồng sáng kiến được sử dụng con dấu của Học viện trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 29. Nguồn và mức lập quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn kinh phí lập quỹ

Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ tổng quỹ lương theo ngạch, bậc của viên chức do Học viện chi trả lương và từ nguồn thu hợp pháp khác của Học viện

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng

- a) Chi in ấn giấy khen, bằng khen, cờ (nếu có)
- b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân và tập thể trong Học viện có thành tích xuất sắc theo Quyết định của Giám đốc Học viện;
- c) Chi tiền thưởng cho các cá nhân, tập thể ngoài Học viện có nhiều đóng góp, hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học theo quyết định của Giám đốc Học viện (nếu có);
- d) Chi tiền thưởng theo đúng chế độ và chính sách quy định của Nhà nước;
- e) Chi cho công tác tổ chức hội họp, lễ phát động thi đua, soạn thảo văn bản thi đua, khen thưởng.

3. Mức tiền thưởng

a) Danh hiệu thi đua

Đối với cá nhân:

- Chiến sỹ thi đua toàn quốc được thưởng 4,5 lần mức lương tối thiểu chung;
- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành, đoàn thể Trung ương được thưởng 3,0 lần mức lương tối thiểu chung;
- Chiến sỹ thi đua cơ sở được thưởng 1,0 lần mức lương tối thiểu chung;
- Lao động tiên tiến được thưởng 0,3 lần mức lương tối thiểu chung;

Đối với tập thể:

- Tập thể Lao động tiên tiến được thưởng 0,8 lần mức lương tối thiểu chung;
- Tập thể Lao động xuất sắc được thưởng 1,5 lần mức lương tối thiểu chung;
- Cờ thi đua Chính phủ được thưởng 24,5 lần mức lương tối thiểu chung;
- Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố, đoàn thể trung ương được thưởng 15,5 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Huân chương:

Đối với cá nhân:

- Huân chương Lao động hạng nhất được thưởng 9,0 lần mức lương tối thiểu chung;
- Huân chương Lao động hạng hai được thưởng 7,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Huân chương Lao động hạng ba được thưởng 4,5 lần mức lương tối thiểu chung;
Đối với tập thể:

Được thưởng (các loại Huân chương) bằng 2 lần mức thưởng cho cá nhân.

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước do các bộ, ngành trung ương, Thủ tướng quyết định.

d) Bằng khen, Giấy khen

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối với cá nhân: được thưởng 1,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Đối với tập thể: được thưởng gấp 2 lần mức thưởng của cá nhân.

Bằng khen của Bộ trưởng:

- Đối với cá nhân được thưởng bằng 1,0 lần mức lương tối thiểu chung;

- Đối với tập thể được thưởng gấp 2 lần mức thưởng của cá nhân.

Giấy khen:

- Đối với cá nhân được thưởng bằng 0,3 lần mức lương tối thiểu chung;

- Đối với tập thể được thưởng gấp 2 lần mức thưởng của cá nhân.

e) Kỷ niệm chương và Huy chương

- Kỷ niệm chương được thưởng bằng 0,6 lần mức lương tối thiểu chung;

- Huy chương được thưởng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu chung.

f) Danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú

- Nhà giáo nhân dân được thưởng 12,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Nhà giáo ưu tú được thưởng 9,0 lần mức lương tối thiểu chung.

Điều 30. Các quyền lợi khác

Các viên chức được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố, đoàn thể trung ương, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Huân chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước được ưu tiên xét lên lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định hiện hành.

Chương VI QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 32. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.

3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 33. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng

Hành vi vi phạm của cá nhân hoặc tập thể được khen thưởng:

- a) Vi phạm các khoản 3 và 4 Điều 14 của Luật Thi đua, Khen thưởng;
- b) Cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;
- c) Dùng tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm mua chuộc người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này:

- a) Bị huỷ bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;
- b) Tuỳ theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

c) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm khoản 1 Điều này bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

d) Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

Điều 34. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với người và cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Hành vi vi phạm của người hoặc tập thể có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng:

- a) Xác nhận sai sự thật về thành tích của cá nhân, tập thể;
- b) Làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng;
- c) Nhận tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra quyết định khen thưởng trái pháp luật;
- đ) Không thực hiện đúng quy trình, thủ tục xét khen thưởng theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này:

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại về:

- a) Nhận xét sai sự thật của cấp có thẩm quyền đối với thành tích và khuyết điểm của mình trong hồ sơ, thủ tục, trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng;
- b) Cá nhân, cấp có thẩm quyền thực hiện không đúng thủ tục, quy trình trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Cá nhân có quyền tố cáo cấp có thẩm quyền về:

- a) Hành vi vi phạm Điều 14 Luật Thi đua, Khen thưởng;
- b) Quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể không đúng tiêu chuẩn, không đúng quy định của pháp luật;
- c) Hành vi trù dập cá nhân của cấp có thẩm quyền.

3. Hình thức khiếu nại, tố cáo:

a) Trực tiếp gặp người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng;

b) Gửi văn bản đến người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 36. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Những nội dung khác có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng không được nêu tại Quy định này thì áp dụng theo các quy định pháp luật khác liên quan.
3. Trưởng các đơn vị, các cá nhân trong Học viện chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có điểm nào chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, các cá nhân phản ánh về Ban Tổ chức cán bộ để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, quyết định./.



Nguyễn Thị Lan

Phụ lục: Các mẫu biểu

1. Mẫu đăng ký danh hiệu thi đua
2. Biên bản họp của Hội đồng thi đua cấp khoa, ban, viện, trung tâm, công ty (Mẫu 1A, 1B);
3. Danh sách đề nghị Lao động tiên tiến (Mẫu 2A, 2B);
4. Danh sách đề nghị Chiến sỹ thi đua cơ sở (Mẫu 3A, 3B);
5. Danh sách đề nghị Tập thể Lao động tiên tiến (Mẫu 4);
6. Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (Mẫu 5);
7. Danh sách cá nhân không đề nghị xét danh hiệu Lao động tiên tiến (Mẫu 6).
8. Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.
9. Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua, Bằng khen của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị.
10. Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.
11. Mẫu kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT
12. Mẫu kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục

Đ
N
N
O
N
G